TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2023/ HNGĐ- ST Ngày 22/02/2023 "V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hiệp

Bà Nguyễn Hồng Uyên

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 344/2022/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993

Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã T, huyện K, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã L, thị xã K, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện K, tỉnh H.

Chị N vắng mặt; anh H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 12 năm 2014 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh H. Anh chị có tổ chức lễ

cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về sinh sống tại gia đình nhà anh H. Thời gian đầu, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2018, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng về quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong việc xây dựng kinh tế gia đình. Anh H mải chơi, không chí thú làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình vợ con mà thường xuyên đi chơi qua đêm, chị có nhắc nhở thì anh H còn đánh chị, đập phá đồ đạc trong nhà. Gia đình có phát hiện anh sử dụng ma túy đá, có khuyên can nhưng không được. Vì thế, đến tháng 11 năm 2018, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng, chị đưa con về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh H tiếp tục chơi bời, vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án 2 năm. Thời gian anh đi chấp hành án, chị cũng không liên lạc, hỏi thăm. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Diệu L, sinh ngày 10/02/2016, hiện đang ở với chị. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện tại chị làm công nhân tại Công ty TNHH T, thu nhập hàng tháng là 8.000.000đồng, chị có thời gian và điều kiện chăm sóc con cái.

Về tài sản chung, nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, H trình bày như sau: Anh và chị N có thời gian yêu thương, tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tuấn Việt vào ngày 11/12/2014. Sau khi kết hôn, anh chị về sinh sống tại gia đình nhà anh. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 4 năm thì đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi cọ, lời qua tiếng lại. Anh biết trong quá trình sinh sống cùng chị N, anh đã có nhiều việc có lỗi với chị N và chị N không chấp nhận tha lỗi. Từ cuối năm 2018, anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế. Mặc dù, nhiều lần anh có nói chuyện với chị N để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Nay chị N kiên quyết xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Diệu L, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2016, hiện đang ở với chị N. Nếu vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Hiện tại, anh làm lái xe tại Công ty vận tải T II, thu nhập hàng tháng là 20.000.000đồng đến 25.000.000đồng.

Qua xác minh với trưởng thôn C, xã T, ông B- bố đẻ chị N, ông L- bố đẻ anh H thể hiện: Quá trình chị N và anh H sinh sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp tính tình, thường xuyên xảy ra cãi cọ, to tiếng. Anh H có mải chơi, không tu chí làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là thời điểm anh H vi phạm quy định của pháp luật và phải đi chấp hành án. Kể từ tháng 11 năm 2018, chị N đã đưa con về nhà

ngoại sinh sống. Anh chị ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh chị có 01 con chung là Lê Diệu L, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2016. Nếu anh chị ly hôn, việc giao con chung cho bên nào trực tiếp nuôi dưỡng thì gia đình cũng hỗ trợ anh chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L.

Tại phiên tòa:

Chị N vắng mặt tại phiên tòa.

Anh H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Lê Văn H. Về con chung: Giao con chung là Lê Diệu L, sinh ngày 10/02/2016 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nga không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn đối với anh Lê Văn H có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện K, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N là nguyên đơn, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt chị N.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Anh chị có thời gian hòa thuận, hạnh phúc được 4 năm thì đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp tính tình, bất đồng về quan điểm sống. Anh H có mải chơi, không tu chí làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Mỗi lần chị N nhắc nhở, vợ chồng xảy ra xô xát, anh H còn đánh chị và đập phá đồ đạc trong nhà. Thêm nữa, anh H còn vi phạm pháp luật, phải đi đi chấp hành án 2 năm. Vợ chồng ly thân, không

còn quan tâm gì đến nhau từ đó cho đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Diệu L, sinh ngày 10/02/2016, hiện đang ở với chị N. Chị N và anh H đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nguyện vọng nuôi con của hai anh chị đều chính đáng, phù hợp với trách nhiệm người làm cha, làm mẹ. Tuy vậy, Hội đồng xét xử xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:

Chị N và anh H đều có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập. Từ nhỏ đến nay, cháu L đều sinh sống cùng với chị N. Chị N có đủ điều kiện để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, ăn ở, học tập cho cháu. Thêm nữa, cháu L là con gái nên cần có mẹ để bảo ban, chăm sóc, dạy bảo trong giai đoạn phát triển về tâm sinh lý. Vì thế, việc giao cháu L cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp nguyện vọng, điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp nguyện vọng của cháu. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với chị là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Đến nay, chị N và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 217; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Lê Văn H.

- Về con chung: Giao con chung là Lê Diệu L, sinh ngày 10/02/2006 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0002923 ngày 29/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kim Thành;
- UBND xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương